

Số: 191/QĐ-UBND

Lạc Đạo, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Lạc Đạo giai đoạn 2025-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC ĐẠO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Công văn số 1086/SKHCN-QLKH ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên về việc triển khai Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 13/8/2025 của UBND xã về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh và hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số

23/KH-UBND ngày 30/8/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Lạc Đạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã Lạc Đạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Lạc Đạo giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND xã và các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Các PCT UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- BCĐ PTKHCN, ĐMST, CDS xã;
- Lưu VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Huân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LẠC ĐẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030**
(Kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong xã quan điểm chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 30/8/2025 của UBND xã Lạc đạo về Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Lạc Đạo nhằm đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển xã Lạc Đạo đến năm 2030, xây dựng xã Lạc Đạo trở thành xã có quy mô kinh tế và trình độ phát triển mạnh, thu nhập trung bình cao, cùng cả nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Yêu cầu

Bám sát quan điểm, chủ trương, định hướng mục tiêu nhiệm vụ Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi.

Xác định các nhiệm vụ cụ thể của từng phòng, ngành, đơn vị nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ. Phát huy các nguồn lực, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đề ra, hàng năm và định kỳ 01 năm, 05 năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá toàn diện việc triển khai thực hiện Chương trình. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp mới, đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong quá trình triển khai nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Việc thực hiện phải gắn với các chương trình của Ủy ban nhân dân xã đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về nội dung Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua phát thanh và các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể và công bố kết quả.

Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của xã. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (phát thanh, cổng thông tin điện tử xã, mạng xã hội...).

Phát động và triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phát động phong trào thi đua “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số.

2. Đổi mới cơ chế quản lý, hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo (ĐMST)

a) Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ, huy động tài chính và quản lý tài chính;

Xây dựng cơ sở vật chất; Thông tin khoa học và công nghệ, hợp tác cho phát triển khoa học và công nghệ.

b) Ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; khuyến khích các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, thân thiện môi trường phục vụ phát triển bền vững.

c) Xây dựng, cụ thể hóa về công tác nhân lực và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó tập trung đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý, lao động có trình độ ứng dụng được các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ công chức cấp xã.

d) Tăng cường mối quan hệ, hình thành các liên kết ngành dọc theo hướng chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ ở các khâu, thông tin dự báo nhanh, chính xác đối với ngành hàng, sản phẩm thế mạnh của địa phương.

đ) Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách xây dựng kế hoạch, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tại địa phương.

3. Phát triển tổ chức, tiềm lực khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Tăng cường ứng dụng, nhất là công nghệ cao, công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và ĐMST; kết hợp các nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, khuyến công, khuyến nông... để đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp khác.

đ) Huy động các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện các chương trình, đề án trên địa bàn xã giai đoạn 2025-2030. Đảm bảo kinh phí hàng năm cho sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là 3% tổng chi ngân sách (với cơ cấu chi 1% cho nghiên cứu ứng dụng và 2% cho chi thường xuyên, đầu tư và mua sắm thiết bị, hạng tầng).

4. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST

a) Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, nâng hạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản có thị trường tiêu thụ lớn trong nước và các sản phẩm có khả năng xuất khẩu.

b) Đẩy mạnh thu hút các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch phục vụ phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế lớn.

c) Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường, chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm chế biến; phát triển các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

d) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công nghệ số trong các cơ quan hành chính nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn, tiến tới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO điện tử gắn với chuyển đổi số.

5. Định hướng khoa học, công nghệ và ĐMST phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

5.1. Định hướng các nhiệm vụ phát triển lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

- Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng.

- Ứng dụng sản phẩm công nghệ tiên tiến, đổi mới và cải tiến công nghệ, máy móc hiện đại, tự động hóa để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong phát triển, sản xuất, lựa chọn, sản phẩm, công nghệ thích hợp để thi công xây dựng trên địa bàn xã.

5.2. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Nông nghiệp và Môi trường

Để phát triển toàn diện, bền vững nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao giá trị gia tăng, gắn với bảo vệ môi trường thì khoa học, công nghệ và ĐMST cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường.

a) Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống, phân bón, quy trình thâm canh tổng hợp tiên tiến, kiểm soát dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản,...) vào sản xuất.

b) Tăng cường ứng dụng cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, vận hành các công trình thủy lợi và phòng, chống bão, úng, lụt.

c) Thực hiện chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng

nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Phát triển nền nông nghiệp thông minh, có định hướng nhu cầu sử dụng sản phẩm, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuẩn hóa hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường, nhất là lĩnh vực đất đai. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

đ) Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cải thiện hiệu quả trong bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong việc giảm thất thoát sau thu hoạch đối với các sản phẩm chủ lực và hạn chế lãng phí thực phẩm.

5.3. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành y, dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân

a) Tiếp tục ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong hoạt động khám, chữa bệnh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu địa phương kết hợp y học cổ truyền.

b) Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó chú ý mô hình bệnh tật và các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm, lây nhiễm; các vấn đề sức khỏe cộng đồng.

c) Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành y tế đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

5.4. Định hướng các nhiệm vụ phát triển khoa học xã hội và nhân văn

Đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh của xã...

5.5. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành Giáo dục – Đào tạo

Ứng dụng các thành tựu KH&CN trong đổi mới, cải tiến phương pháp, hình thức, công cụ hỗ trợ đào tạo; đề xuất, nâng cao hiệu quả, đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo; thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN.

5.6. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Văn hóa, thể thao và du lịch

a) Triển khai các nhiệm vụ phục vụ việc phát triển ngành du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; dịch vụ phục vụ du lịch, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch, xây dựng các chương trình phát triển du lịch gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP.

b) Nghiên cứu, phát triển các giá trị di tích lịch sử văn hóa; làng nghề,...);

tổ chức khai thác phục vụ các hoạt động du lịch với các hình thức và sản phẩm du lịch khác nhau.

c) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững các sản phẩm du lịch trong việc hài hòa giữa phát triển kinh tế và giảm thiểu xung đột vấn đề phát triển du lịch với bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

5.7. Định hướng các nhiệm vụ phát triển Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

a) Đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về đảm bảo an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; các giải pháp xã hội hóa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai do biến đổi khí hậu; giải pháp tăng cường bảo đảm an ninh.

b) Đề xuất các giải pháp dự báo, cảnh báo, nhận diện, kiểm soát, phòng, chống các vấn đề an ninh phi truyền thống gây ra.

c) Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong lĩnh vực an ninh trật tự, nhất là an ninh nông thôn; ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đặc biệt tội phạm công nghệ cao.

5.8. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành khoa học và công nghệ

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đề xuất điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn của xã.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn xã về ứng dụng khoa học và công nghệ, đo lường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, đổi mới hoạt động đo lường trong doanh nghiệp.

- Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo hướng dẫn của tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng các thành tựu nghiên cứu khoa học, các công nghệ mới phù hợp với thực tế sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, phát triển bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số hướng tới đô thị thông minh

a) Phát triển hạ tầng số, nền tảng và dịch vụ số

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai mạng cáp quang băng rộng và mạng di động 5G, 6G 100% trên địa bàn xã, bảo đảm không có vùng lõm sóng. Nâng cấp đường truyền cho cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc xã để đáp ứng nhu cầu triển khai các dịch vụ IoT, AI,... thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng và phát triển hạ tầng công nghệ số. Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số trên cơ sở hướng dẫn, quy định của tỉnh; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các phòng, ban, đơn vị trên môi trường số.

- Thực hiện việc liên thông các cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của tỉnh (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, ...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục-y tế, môi trường...

- Phát triển hạ tầng đô thị thông minh, các mô hình mới theo định hướng giao thông.

- Xây dựng hạ tầng nông thôn mới văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, các thiết chế văn hóa, thể thao, hệ thống điện, nước sinh hoạt, thông tin viễn thông, ...

b) Xây dựng, phát triển chính quyền số

- Xây dựng, phát triển các nền tảng số, dịch vụ số để đưa các hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, trong đó ưu tiên phát triển các nền tảng số dùng chung như quản lý văn bản điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cổng thông tin điện tử, thư điện tử, hội nghị truyền hình trực tuyến,...

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Duy trì thực hiện chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu giao dịch trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch.

c) Chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp công nghệ số thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc trong nông nghiệp, chế biến...

- Xây dựng cổng thông tin hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong khu vực.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

a) Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Tăng cường an ninh mạng: Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định. Kiện toàn đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

c) Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan cấp trên, có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

8. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tham gia vào kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 60% tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương khác thúc đẩy việc thực hiện (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp trong việc triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiến tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

(Chi tiết Danh mục các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Chương trình này)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao trong chương trình, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung chương trình và tổ chức triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn của của mình theo phương châm 6 rõ “Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và rõ thẩm quyền”.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Văn hóa-Xã hội xã tổng hợp báo cáo UBND xã theo quy định,

2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã, phòng, ban, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện chương trình này; Tổng hợp nhu cầu kinh phí phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã các biện pháp cần thiết để thực hiện có hiệu quả chương trình.

Định kỳ hoặc đột xuất khi được yêu cầu tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả triển khai chương trình, báo cáo Đảng ủy, UBND xã theo quy định..

3. Phòng Kinh tế hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu, đề nghị bố trí kinh phí phù hợp.

4. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội căn cứ chương trình và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện; đề nghị Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp chặt chẽ với UBND xã, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tổ chức thực hiện, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã phối hợp Phòng VHXX xã báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã kết quả triển khai Chương trình theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các phòng, ban, đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng VHXX xã) để xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC**Danh mục nhiệm vụ chương trình phát triển KHCN, ĐMST, chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030**

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp, thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
I	LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN SỐ – CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành	UBND xã	Công chức chuyên môn	100% văn bản xử lý trên môi trường số	Thường xuyên
2	Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ HCC	Công chức chuyên môn	Hồ sơ TTHC được số hóa, lưu trữ điện tử	Hàng năm
3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình	UBND xã	UBND cấp trên	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến $\geq 90\%$	2025–2030
4	Sử dụng chữ ký số trong xử lý công việc	UBND xã	Công chức chuyên môn	100% CBCC sử dụng chữ ký số	2025
5	Tổ chức phòng họp trực tuyến	UBND xã	Văn phòng HĐND và UBND xã, Các thôn	Giảm họp trực tiếp, tiết kiệm chi phí	2025-2027
6	Xây dựng đề án trung tâm điều hành thông minh IOC	UBND xã	Phòng VHXH	Đề án	2026

II LĨNH VỰC XÃ HỘI SỐ – NGƯỜI DÂN SỐ					
1	Thành lập, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn	UBND xã	Các thôn, các tổ chức chính trị xã hội	100% thôn có Tổ CDS cộng đồng	2025 và thường xuyên
2	Hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT	UBND xã	Các thôn, các tổ chức chính trị xã hội	Người dân biết nộp hồ sơ trực tuyến	Thường xuyên
3	Hướng dẫn đăng ký, sử dụng VNeID	Công an xã	Tổ Công nghệ số cộng đồng	Tăng tỷ lệ định danh điện tử	2025–2026
4	Phổ cập kỹ năng số cơ bản	UBND xã	Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ chức chính trị xã hội	Người dân sử dụng điện thoại thông minh	Thường xuyên
5	Tuyên truyền thanh toán không dùng tiền mặt	UBND xã	Ngân hàng, các tổ chức chính trị xã hội, Trung tâm dịch vụ VHXXH	≥80% hộ gia đình có tài khoản số	Đến 2030
6	Xây dựng các chuyên mục thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số của chính quyền và người dân trên website xã	UBND xã	Trung tâm dịch vụ VHXXH	Chuyên mục	Thường xuyên
7	Đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, tin học ứng dụng, đề học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số	UBND xã	Các trường học	Tỷ lệ được tập huấn	Thường xuyên
III LĨNH VỰC KINH TẾ SỐ – PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG					
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh tham gia sàn TMĐT	UBND xã	Tổ CDS cộng đồng	Hộ kinh doanh bán hàng trực tuyến	Hàng năm
2	Hướng dẫn thanh toán điện tử	UBND xã	UBND xã, Ngân hàng	Giảm giao dịch tiền mặt	Thường xuyên

3	Ứng dụng QR truy xuất nguồn gốc	UBND xã	HTX, hộ sản xuất	Sản phẩm có mã QR	2026–2030
4	Quảng bá sản phẩm OCOP trên nền tảng số	UBND xã	Phòng kinh tế, các hộ sản xuất	Tăng nhận diện và tiêu thụ sản phẩm	Thường xuyên
5	Số hóa các điểm đến du lịch, tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng du lịch của xã trên không gian mạng	UBND xã	Phòng VHXX xã	Số các di tích được xếp hạng	2026-2030
IV	LĨNH VỰC THÔNG TIN – TUYÊN TRUYỀN				
1	Tuyên truyền CDS trên hệ thống truyền thanh	UBND xã	Trung tâm Dịch vụ VHXX, các Thôn	Chuyên mục CDS định kỳ	Thường xuyên
2	Vận hành, công thông tin điện tử xã, trang fanpage/Zalo OA của xã	UBND xã	Phòng VHXX, các Đoàn thể	Kênh thông tin số hoạt động hiệu quả	2025
3	Tuyên truyền pháp luật về CDS, ATTT	UBND xã	Công an xã	Nâng cao nhận thức người dân	Hàng năm
V	LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN – AN NINH MẠNG				
1	Triển khai biện pháp bảo đảm ATTT	UBND xã	UBND cấp trên	Hệ thống CNTT an toàn	Thường xuyên
2	Phân công cán bộ phụ trách ATTT	UBND xã	Công chức chuyên môn	Có đầu mối ATTT	2025
3	Tuyên truyền phòng chống lừa đảo số	Công an xã	UBND xã, các tổ chức Đoàn thể	Giảm vi phạm, lừa đảo	Thường xuyên
4	Rà soát, bổ sung, mua sắm trang thiết bị máy tính, phần mềm chống virus an toàn, có tính năng bảo mật	UBND xã	Văn phòng HĐND&UBND	Cài phần mềm cho các máy tính	2025

5	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống mạng lan, tường lửa..	UBND xã	Văn phòng HĐND&UBND	Hệ thống Mạng Lan	2026
VI	LĨNH VỰC NHÂN LỰC SỐ				
1	Đào tạo kỹ năng số cho CBCC	UBND xã	UBND cấp trên	CBCC sử dụng thành thạo hệ thống số	Hằng năm
2	Tham gia nền tảng Bình dân học vụ số	UBND xã	UBND xã, các tổ chức Đoàn thể	Nâng cao kỹ năng số người dân	Thường xuyên
3	Bồi dưỡng cán bộ phụ trách CDS	UBND xã	UBND cấp trên	Cán bộ làm công tác CDS	2025–2026